

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 223/2026/DS-PT
Ngày: 16 - 3 - 2026
V/v tranh chấp "*Hợp đồng
mượn tài sản*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Tuyền.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng;

Bà Lưu Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Âu Lâm Trường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Hà Thúy T - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 27/2026/TLPT-DS ngày 23 tháng 01 năm 2026 về tranh chấp: "*Hợp đồng mượn tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 259/2025/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 694/2026/QĐ-PT ngày 23 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1977. Có mặt

Địa chỉ: Ấp B, xã V, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Bà **Tổng Thị E**, sinh năm 1977; Có mặt

Ông **Trần Thanh N**, sinh năm 1974. Có mặt

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã V, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1950. Có mặt

Địa chỉ: Ấp T, xã V, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Tổng Thị E, ông Trần Thanh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo án sơ thẩm:*

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 8/8/2025 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn S trình bày:

Vào ngày 02/5/2024 bà E có mượn của ông O chỉ vàng 24K và có làm biên nhận ngày 02/5/2024 cho ông. Mục đích bà E mượn vàng là để làm vốn chăn nuôi. Hai bên thỏa thuận nếu sau sáu tháng không trả thì ông sẽ siết tài sản để trừ nợ. Sau đó, bà E không trả cho ông khoản tiền nào cả, hiện nay vẫn còn nợ ông O chỉ vàng 24K.

Nay ông yêu cầu bà E và ông N cùng liên đới trả cho ông O chỉ vàng 24K.

Lý do là bà E và ông N cùng làm ruộng, chăn nuôi và làm thuê, bà E ký tên mượn vàng nhưng chăn nuôi là vợ chồng cùng làm nên ông yêu cầu ông N cùng trả 09 chỉ vàng với bà E.

Ông xin rút yêu cầu tính lãi suất đối với 09 chỉ vàng.

Tại bản tự khai đề ngày 18/8/2025 và trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn là bà Tống Thị E trình bày:

Tháng 7/2021 âm lịch bà có vay của cô 7 tên Nguyễn Thị M (là má vợ của ông S) 09 chỉ vàng 24K, lãi suất mỗi tháng 5% trên giá vàng 5.000.000 đồng/chỉ đóng lãi 2.250.000 đồng, bà và bà M thỏa thuận xong thì bà M giao 09 chỉ vàng cho bà.

Bà đóng lãi từ tháng 8/2021 âm lịch đến cuối năm 2023 âm lịch, bắt đầu năm 2024 âm lịch bà đóng lãi 02 tháng đầu, 01 lần 2.000.000 đồng và 01 lần 1.000.000 đồng. Khi vay vàng của bà M thì bà không có làm giấy tờ gì cả.

Từ khi bà không đóng tiền lãi cho bà M, ông S vô nhà bà yêu cầu không đóng lãi thì trả lại 09 chỉ vàng 24K đã mượn, ông S ấn định thời gian 06 tháng trả trước 05 chỉ vàng 24K, còn lại 04 chỉ vàng 24K từ từ trả nhưng bà nói không có khả năng trả nên ông S yêu cầu ký tên vào giấy nợ ngày 02/5/2024, do trước đó mấy ngày ông S lên nhà bà đòi tiền không gặp bà mà gặp ông N và 02 người có lời qua tiếng lại, đến khi bà về nhà thì thấy ông S đánh chồng bà. Do sợ có đánh nhau nên ngày 02/5/2024 bà có ký giấy nợ cho ông S.

Khoản nợ này do bà tự vay nên ông N không biết. Bà vay 09 chỉ vàng 24K để gầy con giống chăn nuôi heo, ông N không chịu chăn nuôi nên bà tự làm một mình. Vợ chồng bà vẫn sống chung nhà bình thường. Bà đồng ý trả cho ông S 09 chỉ vàng 24K (số vàng bà đã vay của bà M vào khoảng tháng 7/2021 âm lịch), do bà khó khăn về kinh tế bà xin trả dần 09 chỉ vàng 24K mỗi 03 tháng trả 01 chỉ vàng 24K, bắt đầu từ ngày 01/9/2025 cho đến khi hết nợ.

Bị đơn là ông Trần Thanh N mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

là bà Nguyễn Thị M trình bày:

Nguyễn Văn S là con rể của bà, vào tháng 7/2021 bà có cho bà Tống Thị E mượn số vàng là 09 chỉ vàng 24K, bà E năn nỉ bà cho mượn đỡ để làm vốn chăn nuôi trong gia đình bà E. Bà E nói mượn đỡ vài tháng rồi trả lại cho bà và có thỏa thuận khi nào trả vàng cho bà thì gởi phụ cho bà tiền lãi, số vàng này là bà để dành dưỡng già. Nhưng sau đó mấy tháng bà E không trả lại vàng cho bà cũng không phụ tiền lãi cho bà mặc dù bà đã đòi rất nhiều lần, do thời gian giãn cách xã hội nên bà mới ngưng không đòi bà E số vàng này nữa. Sau đó bà có nói cho vợ chồng con gái bà biết sự việc bà cho bà E mượn vàng nhưng không trả lại cho bà.

Bà có nhờ con rể là Nguyễn Văn S đến nhà của bà E để gặp vợ chồng bà E đòi lại số vàng mà bà đã cho bà E mượn, khi con rể bà đến nhà gặp vợ chồng bà E đòi lại số vàng của bà thì giữa bà E và con rể bà đã có thỏa thuận bà E hứa 06 tháng sẽ trả lại số vàng này cho con rể bà.

Khi bà nhờ con rể bà đi đòi vàng của bà E thì bà đã không còn đòi vàng chỗ bà E nữa mà giao cho con rể bà toàn quyền quyết định.

Nay bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Văn S yêu cầu bà Tống Thị E và ông Trần Thanh N trả lại cho Nguyễn Văn S 09 chỉ vàng 24K.

* Bản án dân sự sơ thẩm số: 259/2025/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đồng Tháp căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 494, Điều 496 của Bộ luật Dân sự.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S đối với yêu cầu tính lãi 09 chỉ vàng 24K.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S.

Buộc bà Tống Thị E và ông Trần Thanh N có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn S 09 chỉ vàng 24K.

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2025/QĐ-BPKCTT ngày 14 tháng 8 năm 2025, phong tỏa tài sản đối với: Thửa đất số 206, tờ bản đồ số 21, diện tích 1.985,2m², đất trồng lúa, tại ấp H, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là xã V, tỉnh Đồng Tháp) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02529 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 17/7/2015 cho ông Trần Thanh N.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định.

* Ngày 26 tháng 9 năm 2025, bị đơn bà Tống Thị E và ông Trần Thanh N có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu được cản trừ số tiền lãi mà các bị đơn đã đóng cho nguyên đơn.

* Tại phiên tòa phúc thẩm: Hai bên đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự và người tham gia tố tụng khác đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý phúc thẩm và xét xử.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm các bị đơn và nguyên đơn thống nhất số tiền bà E đã trả lãi cho bà M tổng cộng là 14.500.000 đồng, ông S đồng ý trả lại cho bà E và ông N, hai bên thực hiện cam kết ở giai đoạn thi hành án, việc thỏa thuận không trái với quy định, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận, sửa án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn S khởi kiện yêu cầu bà Tống Thị E và ông Trần Thanh N trả vàng nên Hội đồng xét xử xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng mượn tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại xã V, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đơn kháng cáo của bị đơn bà Tống Thị E và ông Trần Thanh N đúng quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nội dung kháng cáo: Bị đơn bà Tống Thị E và ông Trần Thanh N có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm với nội dung: đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu được cam kết trả số tiền lãi mà các bị đơn đã đóng cho nguyên đơn.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bên đương sự thống nhất 09 chỉ vàng 24K mà ông S kiện bà E, ông N có nguồn gốc là của bà Nguyễn Thị M là mẹ vợ ông S cho bà E mượn trước năm 2024 nhưng đến ngày 02/5/2024 giữa ông S và bà E đã thống nhất làm giấy nhận nợ 09 chỉ vàng 24K và hẹn 06 tháng trả lại nhưng đến nay bà E vẫn chưa trả cho ông S được khoản vàng nào.

Bị đơn bà E và ông N cung cấp chứng cứ chứng minh từ tháng 7/2021 đến tháng 02/2024 âm lịch có trả lãi cho bà Nguyễn Thị M số tiền 14.500.000 đồng đề nghị cam kết trả số tiền trên.

Ông S và bà M thống nhất có nhận số tiền lãi của bà E là 14.500.000 đồng và ông S đồng ý trả lại số tiền lãi đã nhận trên cho bà E. Phương thức thực hiện sẽ căn trừ ở giai đoạn thi hành án, theo giá vàng tại thời điểm thi hành án.

Việc thỏa thuận của hai bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện không trái với quy định của pháp luật, đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử công nhận.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm các bên đồng ý không có kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Những ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị công nhận sự thỏa thuận, sửa bản án sơ thẩm do đương sự thỏa thuận phù hợp như đã nhận định trên nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[7] Về án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm được sửa theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn S với bị đơn ông Trần Thanh N, bà Tống Thị E và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M tại phiên tòa phúc thẩm.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm 259/2025/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đồng Tháp

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 494, Điều 496 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S đối với yêu cầu tính lãi 09 chỉ vàng 24K.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S.

Buộc bà Tống Thị E và ông Trần Thanh N có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn S 09 chỉ vàng 24K.

Ông Nguyễn Văn S trả cho bà Tống Thị E số tiền lãi đã nhận là 14.500.000 (Mười bốn triệu năm trăm nghìn) đồng.

Phương thức thực hiện sẽ căn trừ ở giai đoạn thi hành án, theo giá vàng tại thời điểm thi hành án.

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2025/QĐ-BPKCTT ngày 14 tháng 8 năm 2025, phong tỏa tài sản đối với: Thửa đất số 206, tờ bản đồ số 21, diện tích 1.985,2m², đất trồng lúa, tại ấp H, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là xã V, tỉnh Đồng Tháp) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02529 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 17/7/2015 cho ông Trần Thanh N.

3. Về án phí: Bà Tổng Thị E và ông Trần Thanh N phải chịu 5.287.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm (giá vàng tại thời điểm xét xử 11.750.000 đồng/chỉ). Không phải chịu án phí phúc thẩm, hoàn lại ông Trần Thanh N và bà Tổng Thị E mỗi người 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003031 và 0003030 ngày 30/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

H lại cho ông Nguyễn Văn S số tiền tạm ứng án phí 3.217.500 đồng theo biên lai thu số 0001220 ngày 13/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao (Vụ GD-KT 2);
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND khu vực 2 - Đồng Tháp;
- Phòng THADS khu vực 2 - Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Ngọc Tuyền

